

Công văn

Tiền Giang, ngày 31 tháng 07 năm 2019

V/v: Giải trình KQKD hợp nhất Quý 3/2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 4, Mục 5, Điều 11:

“4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.”

Bảng thể hiện các thay đổi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa quý 3 năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018:

CHỈ TIÊU	QUÝ 3/2019	QUÝ 3/2018	CHÈNH LỆCH	
			Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	529.925.669.050	1.512.376.184.684	(982.450.515.634)	-64,96%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2.673.705.091	60.701.133.476	(58.027.428.385)	-95,60%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	527.251.963.959	1.451.675.051.208	(924.423.087.249)	-63,68%
4. Giá vốn hàng bán	559.204.599.599	1.390.755.626.872	(831.551.027.273)	-59,79%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(31.952.635.640)	60.919.424.336	(92.872.059.976)	-152,45%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	5.138.394.289	134.255.609.560	(129.117.215.271)	-96,17%
7. Chi phí tài chính	75.520.412.460	66.808.854.960	8.711.557.500	13,04%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	54.230.167.632	66.445.172.406	(12.215.004.774)	-18,38%
8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	22.271.131.718	(23.194.423.300)	45.465.555.018	-196,02%
9. Chi phí bán hàng	34.976.632.701	47.028.671.635	(12.052.038.934)	-25,63%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.846.205.403	34.734.228.123	(6.888.022.720)	-19,83%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(142.886.360.197)	23.408.855.878	(166.295.216.075)	-710,39%
12. Thu nhập khác	112.324.785	189.460.685	(77.135.900)	-40,71%
13. Chi phí khác	4.615.672.385	21.506.387.973	(16.890.715.588)	-78,54%
14. Lợi nhuận khác	(4.503.347.600)	(21.316.927.288)	16.813.579.688	-78,87%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(147.389.707.797)	2.091.928.590	(149.481.636.387)	-7145,64%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(9.676.606.528)	(7.264.677.530)	(2.411.928.998)	33,20%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(8.663.652.882)	(4.331.469.402)	(4.332.183.480)	100,02%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(129.049.448.387)	13.688.075.522	(142.737.523.909)	-1042,79%
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(128.848.376.181)	29.786.548.799	158.634.924.980)	-532,57%
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(201.072.206)	(16.098.473.277)	15.897.401.071)	-98,75%
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-600	97	-697	-720,16%
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-600	97	-697	-720,16%

Căn cứ các số liệu thể hiện ở bảng trên, Công ty Cổ Phần Hùng Vương (“Công ty”) (mã chứng khoán HVG) xin được giải trình các thay đổi trọng yếu như sau:

1. Quý 3 năm 2019, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 64,96% so với quý 2 năm 2018, tương ứng 982,4 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là do Công ty đã thoái vốn khỏi Công ty CP TẮCN Việt Thắng, cắt giảm mảng kinh doanh bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (bã nành, bắp, lúa mì ...), tương đương 1.089,3 tỷ đồng.
2. Quý 3 năm 2019, giá cá nguyên liệu giảm mạnh từ 34.000 đồng/kg xuống 18.000 đồng/kg, kéo theo giá xuất khẩu cũng giảm sâu. Từ đó, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 152,45% (tương ứng 92,8 tỷ đồng).
3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 96,17% (tương ứng 129,1 tỷ đồng) do khoản lãi 121,1 tỷ đồng từ việc thoái vốn Công ty CP Thức Ăn Chăn Nuôi Việt Thắng phát sinh trong quý 3 năm 2018.
4. Chi phí tài chính tăng 13,04% (tương ứng 8,7 tỷ đồng) chủ yếu do phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua 2 công ty thuộc lĩnh vực chăn nuôi (Công ty TNHH Giống Chăn Nuôi Việt Thắng An Giang và Công ty TNHH Giống Chăn Nuôi Việt Thắng Bình Định).
5. Chi phí bán hàng giảm 25,63% (tương ứng 12 tỷ đồng) và Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 19,83% (tương ứng 6,8 tỷ đồng) chủ yếu do việc thoái vốn khỏi Công ty CP Hùng Vương Sông Đốc và Công ty CP Địa ốc An Lạc.
7. Các chỉ tiêu khác ảnh hưởng không đáng kể.

Ảnh hưởng của các yếu tố trên làm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 3 năm 2019 giảm 1.042,79% so với cùng kỳ năm 2018, tương đương giảm 142,7 tỷ đồng.

Trên đây là giải trình cho các thay đổi trọng yếu của số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất quý 3 năm 2019 so với quý 3 năm 2018 của Công ty Cổ Phần Hùng Vương.

Trân trọng.

Nơi nhận: - Như trên
- Bộ phận tài chính kế toán



DƯƠNG NGỌC MINH